

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 15/7/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Các Hội thẩm nhân dân:

- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Anh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020, về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự.

2. *Bị đơn*: Anh Phan Viết L, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ hai.

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 13/01/2020 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chi Võ Thị Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Phương T và anh Phan Việt L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 31/8/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên gây gỗ, cãi vã, xúc phạm nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn. Từ tháng 6/2014 cho đến nay hai người sống ly thân, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phan Việt L.

Về con chung: Chị Võ Thị Phương T trình bày vợ chồng có 02 người con chung là Phan Viết Việt H, sinh ngày 29/4/2010; Phan Viết Hoàng A, sinh ngày 09/6/2013. Chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 người con cho đến khi đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Phương T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh cháu Phan Viết Việt H, Phan Viết Hoàng A, bản sao sổ hộ khẩu gia đình, bản sao chứng minh nhân dân chị Thúy.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho gia đình anh anh Phan Viết L gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng nói trên nhưng anh L không có văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đều vắng mặt tại các phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa ngày 01/7/2020, anh L vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập cho anh L nhưng anh L tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn nhiều lần vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và hai lần vắng mặt tại phiên tòa. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Phương T và anh Phan Viết L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 31/8/2010. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh L là hợp pháp. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn. Từ tháng 6/2014 cho đến nay hai người sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh L đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Phương T.

[2.2] Về việc nuôi con chung:

Xét yêu cầu nuôi con của nguyên đơn thấy rằng: Trong thời gian vợ chồng sống ly thân cháu Phan Viết Việt H, sinh ngày 29/4/2010; Phan Viết Hoàng A, sinh ngày 09/6/2013 do chị T nuôi dưỡng; các cháu cũng có nguyện vọng được ở với chị T. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị T về việc nuôi con sau khi ly hôn để đảm bảo ổn định cuộc sống của các cháu. Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; giao cháu Phan Viết Việt H, Phan Viết Hoàng A cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì khi ly hôn cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; mặc dù đã được Hội đồng xét xử giải thích nhưng chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con và cam đoan đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Phương T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Phương T. Chị Võ Thị Phương T được ly hôn anh Phan Viết L.

2. Về việc nuôi con chung: Giao cháu Phan Viết Việt H, sinh ngày 29/4/2010; Phan Viết Hoàng A, sinh ngày 09/6/2013 cho chị Võ Thị Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Phan Viết L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Phương T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/009467 ngày 12/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- UBND xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Sang

